

Số : 690 / QĐ-UBND

Tuy Phước, ngày 26 tháng 4 năm 2013

QUYẾT ĐỊNH

V/v chuyển nguồn kinh phí có mục tiêu ngân sách huyện
năm 2012 sang năm 2013 để thực hiện nhiệm vụ chi

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26/ 11/ 2003;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước số 01/ 2002/ QH₁₁ ngày 16/ 12/ 2002;

Căn cứ Thông tư số 59/ 2003/ TT-BTC ngày 23/ 6/2003 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Nghị định số 60/2003/NĐ-CP ngày 06/ 6/2006 của Chính Phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Ngân sách nhà nước

Căn cứ Thông tư số 108/2008/TT-BTC ngày 18/11/2008 của Bộ Tài chính hướng dẫn xử lý ngân sách cuối năm và lập, báo cáo quyết toán ngân sách nhà nước hàng năm;

Căn cứ Quyết định số 03/QĐ-UBND ngày 03/01/2012 của UBND huyện Tuy Phước về việc giao dự toán thu, chi ngân sách địa phương năm 2012; Căn cứ Quyết định số 04/QĐ-UBND ngày 03/01/2012 của UBND huyện Tuy Phước về việc phê duyệt điều chỉnh danh mục, kế hoạch vốn đầu phát triển năm 2012 thuộc các nguồn vốn được phân cấp cho huyện và nguồn vốn huyện quản lý,

Xét đề nghị của Trưởng phòng Tài chính - Kế hoạch huyện tại Công văn số 28/PTCKH ngày 19/3/2013,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Chi chuyển nguồn các khoản kinh phí có mục tiêu năm 2012 sang năm 2013 để thực hiện nhiệm vụ chi, với tổng số tiền là: **126.094.861.734 đồng** (*Một trăm hai mươi sáu tỷ không trăm chín mươi bốn triệu tám trăm sáu mươi một nghìn bảy trăm ba mươi bốn đồng*), cụ thể như sau:

- Chuyển nguồn vốn đầu tư : 84.214.878.034 đồng;
- Chuyển nguồn vốn mục tiêu của tỉnh : 11.728.727.250 đồng;
- Chuyển nguồn kinh phí thực hiện CCTL : 13.673.306.300 đồng;
- Chuyển nguồn dự phòng chi : 12.755.680.150 đồng;
- Chuyển nguồn kiểm chế lạm phát 2010: 1.696.270.000 đồng.
- Nguồn kết dư bố trí đầu tư 2012 còn lại: 2.026.000.000 đồng.

(Có phụ lục kèm theo)

Điều 2. Tổ chức thực hiện.

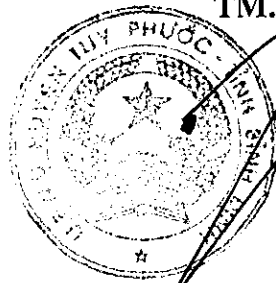
Giao Trưởng phòng Phòng Tài chính - Kế hoạch huyện phối hợp với Kho bạc Nhà nước huyện thực hiện chi chuyển nguồn và theo dõi kinh phí nói trên đúng quy định của Luật ngân sách Nhà nước.

Điều 3 . Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký .

Chánh văn phòng HĐND và UBND huyện, Trưởng phòng Phòng Tài chính - Kế hoạch huyện, Giám đốc Kho bạc Nhà nước huyện và Thủ trưởng các đơn vị liên quan căn cứ chức năng, nhiệm vụ, chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu : VT .



TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH



Nguyễn Đình Huệ

PHỤ LỤC

(Kèm theo Quyết định số 690 /QĐ-UBND ngày 26/4/2013 của UBND huyện Tuy Phước)



SIT	NỘI DUNG	SỐ TIỀN	GHI CHÚ
I	NGUỒN TIỀN SỬ DỤNG ĐẤT	84.163.021.034	
a	Ban Quản lý Dự án đề nghị chuyển nguồn các công trình với tổng số tiền	18.039.123.000	
1	Trả nợ các Công trình QT	1.073.031.000	
2	Đê Sông Gò Chàm (Đoàn TL đập dâng Hà Bạc)	6.183.000	
3	Kênh cấp nước ngọt nuôi tôm Phước Hoà	65.000.000	
4	Đê biển HL ngăn mặn đập Ban Dừa	700.000.000	
5	CSHT KDC và chợ Diêu Trì mới	1.795.111.000	
6	Di dân dân vùng ngập lũ triều cường Huỳnh Giản	2.800.000.000	
7	Sửa chữa nâng cấp hồ chứa nước Cây Đa	355.037.000	
8	Nhà lưu niệm chi bộ Đê Pô	16.922.000	
9	Đường vành đai phía Đông Bắc	6.569.304.000	
10	Sân vận động huyện	2.200.000.000	
11	Chợ Diêu Trì	250.000.000	
12	Nhà để xe thu gom rác thải	132.288.000	
13	Trường TH số 1TT Tuy Phước(04P)	37.693.000	
14	Mở rộng NLV các phòng ban	12.118.000	
15	Sửa chữa nghĩa trang liệt sỹ huyện	15.854.000	
16	Trường TH số 1 Phước Hoà(06P)	138.000	
17	SC,NLV khối dân vận	7.178.000	
18	SC, VP đăng ký quyền SDD huyện	3.266.000	
19	Đê sông Kôn (TL cầu Lộc Thượng)	400.000.000	
20	SC nghĩa trang liệt sỹ huyện	400.000.000	
21	Chợ Phước Sơn	1.200.000.000	
b	Còn lại UBND huyện bố trí trong năm 2013 (đã bố trí 12.600 trđ)	66.123.898.034	
II	NGUỒN VỐN THEO QĐ 689/QĐ-UBND CỦA TỈNH	51.857.000	
III	NGUỒN VỐN MỤC TIÊU CỦA TỈNH (không tính các khoản thu đã chi hết trong năm)	11.728.727.250	
1	Kinh phí an toàn giao thông	481.575.850	
2	Vốn vay NHPTVN để hỗ trợ GTNH và KCH (P.Sơn, An, Hiệp)	2.212.741.000	
3	Hỗ trợ tiền điện năm 2012	8.160.000	
4	Hỗ trợ kinh phí thực hiện CTMTQG giáo dục (00121)	5.505.000	
5	Hỗ trợ kinh phí thực hiện CTMTQG giáo dục (00118)	39.244.000	
6	Hỗ trợ KP thực hiện CS theo ND 67, 13, 06	5.530.815.250	
7	Hỗ trợ thực hiện điều chỉnh mức thu học phí 2010	297.970.000	
8	Hỗ trợ kế hoạch xây dựng nhà ở cho hộ nghèo (Ban cứu trợ tỉnh)	411.000.000	
9	Hỗ trợ chi phí học tập theo qui định tại Nghị định 49/2010/NĐ-CP	2.521.904.250	
10	Kinh phí xoá mù mù giáo 5 tuổi và phổ cập THCS (mã CTMTQG 00111)	219.811.900	
IV	NGUỒN KINH PHÍ THỰC HIỆN CẢI CÁCH TIỀN LƯƠNG	13.673.306.300	
V	NGUỒN DỰ PHÒNG CHI	12.755.680.150	
VI	10% tiết kiệm kiểm chế lam phát 2011	1.696.270.000	
VII	Nguồn kết dư bố trí danh mục đầu tư năm 2012 còn lại	2.026.000.000	
1	Mua xe thu gom rác thải	1.476.000.000	
2	Nâng công suất ĐTT huyện và cơ sở	350.000.000	
3	Mua sắm tài sản Văn phòng	0	
4	Đề án chuyển đổi đất tên Trường trên địa bàn	100.000.000	
5	Đề án nghiên cứu quá trình hình thành và phát triển huyện Tuy Phước	100.000.000	
	Tổng cộng	126.094.861.734	